



qù diào
去掉

verb · to get rid of

Example Sentences

qǐng qù diào zhuō zi shàng de huī chén
请去掉桌子上的灰尘。

Please get rid of the dust on the table.

qù diào zhè gè cuò wù xū yào shí jiān
去掉这个错误需要时间。

Getting rid of this mistake takes time.

qù diào yī fú shàng de wū zì kě yǐ yòng féi zào shuǐ
去掉衣服上的污渍可以用肥皂水。

You can use soapy water to get rid of stains on clothes.

Trace each character, then write the word on your own.

去	去	去	去	去	去	去	去				
掉	掉	掉	掉	掉	掉	掉	掉	掉	掉	掉	掉
掉	掉	掉									